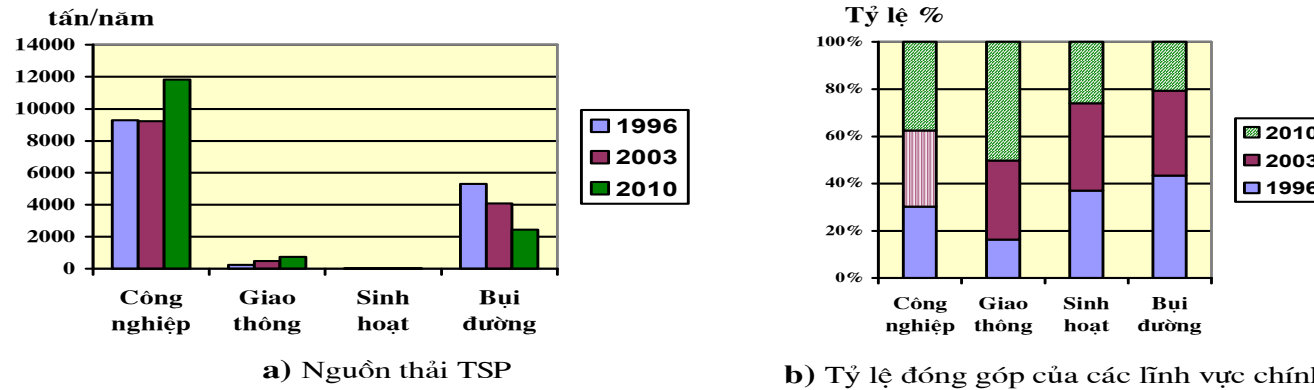


CHỈ THỊ ÁP LỰC BIỂU MẪU CHỈ THỊ : NGUỒN THẢI TSP



Hình 5.1 - Chỉ thị về nguồn thải TSP. Tổng lượng thải và sự đóng góp từ một số lĩnh vực chủ yếu ở Hà Nội

Số liệu để thiết lập biểu đồ

Lĩnh vực	1996		2003		2010	
	tấn	%	tấn	%	tấn	%
Công nghiệp	9.289	62,44	9.238	66,82	11.821	77,63
Giao thông vận tải	251	1,69	482	3,48	752	5,22
Sinh hoạt đô thị	30	0,2	23	0,20	19	0,14
Do đường bẩn	5.307	35,67	4.083	29,50	2.450	17,01
Tổng	14.877		13.826		14.402	

Kết quả và đánh giá

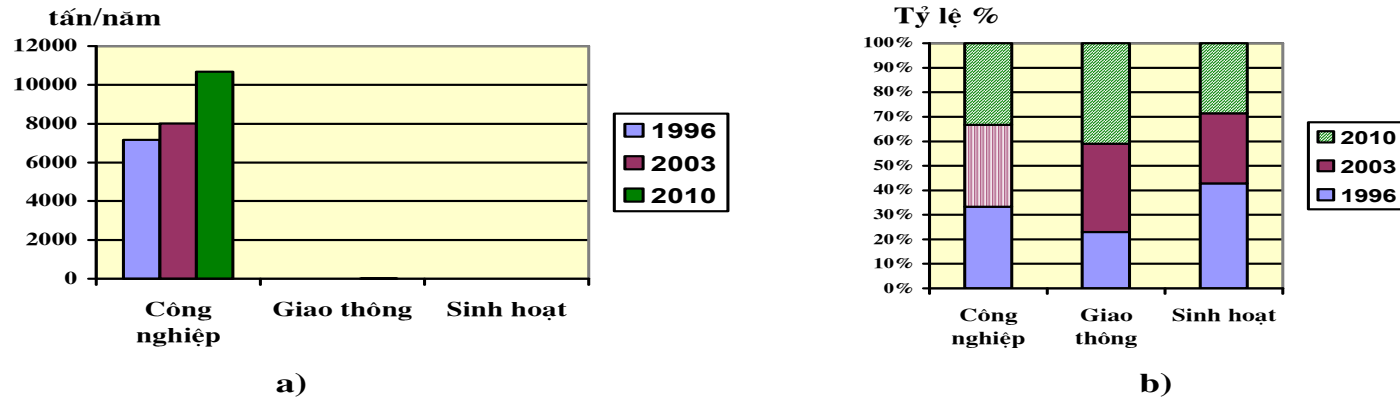
1. Quan hệ của chỉ thị đối với phát triển môi trường

Nguồn thải tổng bụi lơ lửng (TSP) là một thành phần chính gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh, nó có tác hại mạnh đối với sức khỏe của con người, đặc biệt là ở các đô thị, nơi mà có nồng độ bụi lớn nhất.

2. Đánh giá

Ở thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ 1996 đến 2010 những nguồn thải bụi lơ lửng chính là hoạt động công nghiệp (chiếm tới 62 - 78%) và do giao thông cuốn bụi mặt đường bị bẩn (chiếm tới 36 - 47%). Tổng lượng thải TSP trong năm 2003 giảm đi khoảng 7,1%, so với năm 1996. Tổng lượng thải TSP đến năm 2010 sẽ giảm đi khoảng 4,2% so với năm 2003.

CHỈ THỊ ÁP LỰC BIỂU MẪU CHỈ THỊ : NGUỒN THẢI SO₂



Hình 5.2 - Chỉ thị về nguồn thải SO₂. Tổng lượng thải và sự đóng góp từ một số lĩnh vực chủ yếu ở Hà Nội

Số liệu để thiết lập biểu đồ

Lĩnh vực	1996		2003		2010	
	tấn	%	tấn	%	tấn	%
Công nghiệp	7.169	99,91	8.003	99,9	10.675	99,89
Giao thông vận tải	3	0,045	5,4	0,07	9	0,08
Sinh hoạt đô thị	3	0,045	2,3	0,03	2	0,03
Tổng	7.175		8.011		10.686	

Kết quả và đánh giá

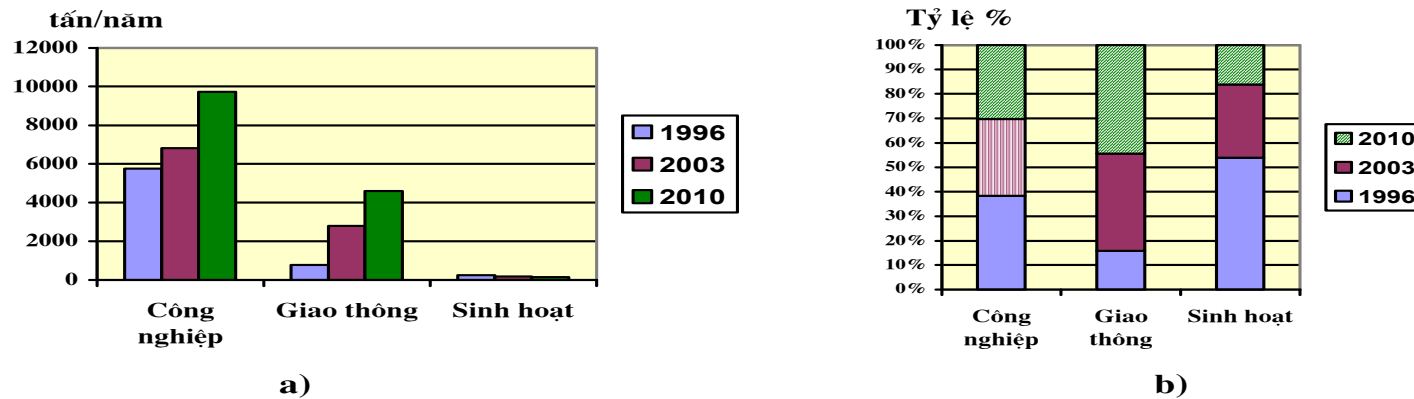
1. Quan hệ của chỉ thị đối với phát triển môi trường

Nguồn thải SO₂ là một thành phần ô nhiễm gây ra vấn đề lắng đọng axit xuyên biên giới. Đối với môi trường đô thị nó gây tác hại mạnh đến sức khỏe con người và các hệ sinh thái, đặc biệt là ở nơi có nồng độ cao.

2. Đánh giá

Ở thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ 1996 đến 2010 nguồn thải chính SO₂ là lĩnh vực hoạt động công nghiệp (chiếm tới 99,9%), nguồn thải SO₂ từ giao thông vận tải và từ sinh hoạt của đô thị là không đáng kể (ít hơn 1%). Tổng lượng thải SO₂ trong năm 2003 tăng hơn năm 1996 là 11,6%, tổng lượng thải SO₂ đến năm 2010 sẽ tăng hơn năm 2003 khoảng 33,4%.

CHỈ THỊ ÁP LỰC BIỂU MẪU CHỈ THỊ : NGUỒN THẢI NO₂



Hình 5.3 - Chỉ thị về nguồn thải NO₂. Tổng lượng thải và sự đóng góp từ một số lĩnh vực chủ yếu ở Hà Nội

Số liệu để thiết lập biểu đồ

Lĩnh vực	1996		2003		2010	
	tấn	%	tấn	%	tấn	%
Công nghiệp	5.763	85,01	6.822	69,60	9.725	67,17
Giao thông vận tải	773	11,40	2.784	28,40	4.599	31,76
Sinh hoạt đô thị	243	3,59	186	2,00	154	1,07
Tổng	6.779		9.792		14.478	

Kết quả và đánh giá

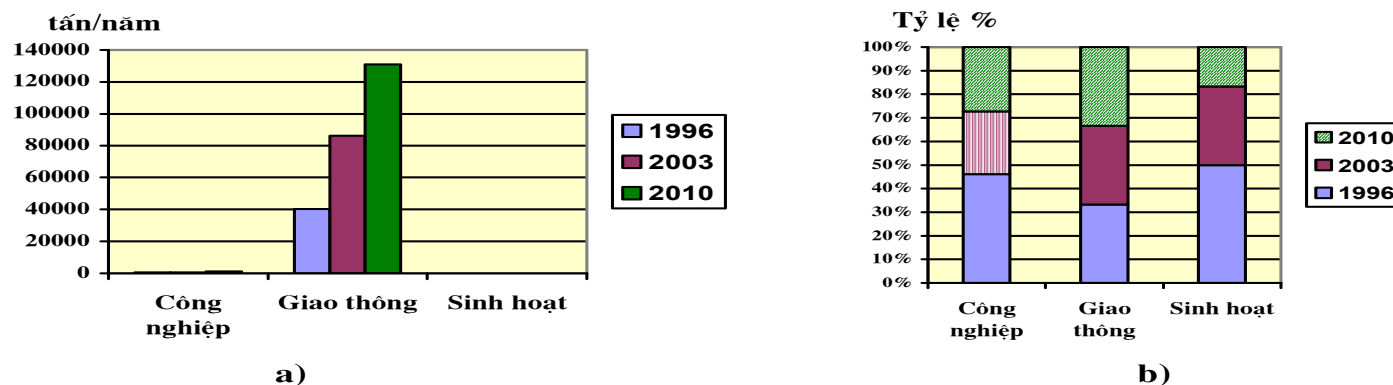
1. Quan hệ của chỉ thị đối với phát triển môi trường

Nguồn thải NO₂ là một thành phần ô nhiễm gây ra vấn đề lắng đọng axit xuyên biên giới. Đối với môi trường đô thị nó gây tác hại mạnh đến sức khỏe con người và các hệ sinh thái, đặc biệt là ở nơi có nồng độ cao.

2. Đánh giá

Ở thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ 1996 đến 2010 nguồn thải chính NO₂ là công nghiệp (chiếm tỷ lệ 67 - 85%), thứ hai là thải từ giao thông vận tải (11 - 32%), từ sinh hoạt của đô thị là rất nhỏ (1 - 4%). Tổng lượng thải NO₂ trong năm 2003 tăng hơn năm 1996 là 44,4% và tổng lượng thải NO₂ đến năm 2010 sẽ tăng hơn năm 2003 là 47,8%.

**CHỈ THỊ ÁP LỰC
BIỂU MẪU CHỈ THỊ : NGUỒN THẢI CO**



Hình 5.4 - Chỉ thị về nguồn thải CO. Tổng lượng thải và sự đóng góp từ một số lĩnh vực chủ yếu ở Hà Nội

Số liệu để thiết lập biểu đồ

Lĩnh vực	1996		2003		2010	
	tấn	%	tấn	%	tấn	%
Công nghiệp	577	1,42	715	0,82	1.110	0,84
Giao thông vận tải	40.139	98,55	86.327	99,16	130.976	99,15
Sinh hoạt đô thị	14	0,03	11	0,02	10	0,01
Tổng	40.730		87.053		132.096	

Kết quả và đánh giá

1. Quan hệ của chỉ thị đối với phát triển môi trường

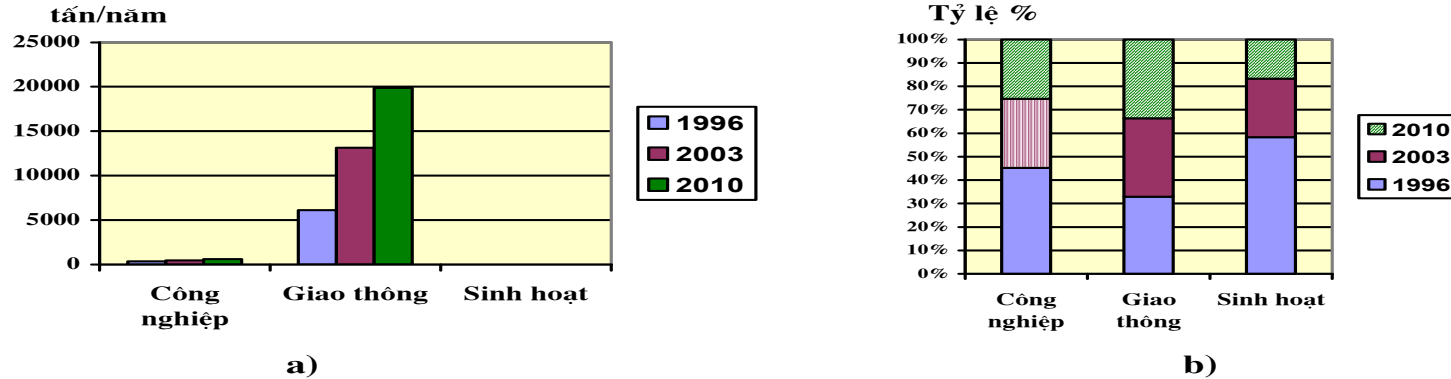
Nguồn thải CO là một thành phần chính gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh, nó có tác hại mạnh đến sức khỏe con người, đặc biệt là ở các đô thị, nơi mà nó có nồng độ CO lớn nhất.

2. Đánh giá

Ở thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ 1996 đến 2010 nguồn thải chính với CO là từ hoạt động giao thông (98 - 99%), từ phát thải công nghiệp chỉ chiếm khoảng 1%, còn từ sinh hoạt của đô thị chiếm tỷ lệ không đáng kể (0,01 - 0,03%).

Tổng lượng thải CO trong năm 2003 tăng hơn 2 lần năm 1996, tính đến năm 2010 nó sẽ tăng hơn năm 2003 khoảng 51,7%.

CHỈ THỊ ÁP LỰC BIỂU MẪU CHỈ THỊ : NGUỒN THẢI VOC



Hình 5.5 - Chỉ thị về nguồn thải VOC. Tổng lượng thải và sự đóng góp từ một số lĩnh vực chủ yếu ở Hà Nội

Số liệu để thiết lập biểu đồ

Lĩnh vực	1996		2003		2010	
	tấn	%	tấn	%	tấn	%
Công nghiệp	340	5,24	465	3,42	603	2,94
Giao thông vận tải	6.141	94,69	13.129	96,55	19.846	96,94
Sinh hoạt đô thị	5	0,07	4	0,03	4	0,02
Tổng	6.486		13.598		20.471	

Kết quả và đánh giá

1. Quan hệ của chỉ thị đối với phát triển môi trường

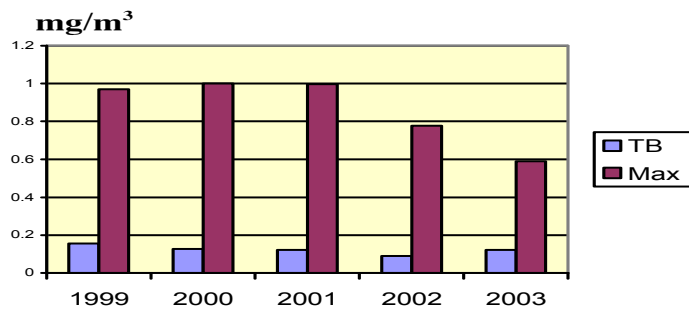
Nguồn thải VOC là một thành phần chính gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh, nó có tác hại mạnh đến sức khỏe con người, đặc biệt là ở các đô thị, nơi mà nó có nồng độ VOC lớn nhất.

2. Đánh giá

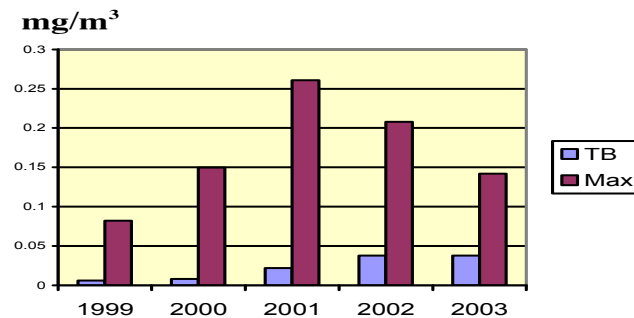
Ở thành phố Hà Nội trong giai đoạn từ 1996 đến 2010 nguồn thải chính với CO là từ hoạt động giao thông (94 - 97%), từ phát thải công nghiệp chỉ chiếm khoảng 3-5%, và từ sinh hoạt của đô thị chiếm tỷ lệ rất nhỏ bé (0,02 - 0,07%).

Tổng lượng thải VOC trong năm 2003 tăng hơn 2 lần năm 1996, tính đến năm 2010 nó sẽ tăng hơn năm 2003 khoảng 50,5%.

CHỈ THỊ VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ
BIỂU MẪU CHỈ THỊ : CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ Ở HÀ NỘI



Hình 5.6a. Diễn biến nồng độ bụi PM₁₀ trung bình và cực đại theo các năm tại trạm CEETIA



Hình 5.6b. Diễn biến nồng độ khí SO₂ trung bình và cực đại các năm tại trạm CEETIA

Các số liệu để thiết lập biểu đồ

Trị số trung bình và cực đại trong năm của nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí tại trạm CEETIA (mg/m³)

Năm	CO		NO ₂		SO ₂	
	TB	Max	TB	Max	TB	Max
1999	2.456	14.410	0.006	0.023	0.006	0.082
2000	2.209	11.060	0.009	0.117	0.008	0.150
2001	2.122	8.737	0.016	0.160	0.022	0.261
2002	2.468	12.391	0.029	0.173	0.038	0.208
2003	3.520	8.750	0.033	0.090	0.038	0.142
2004						

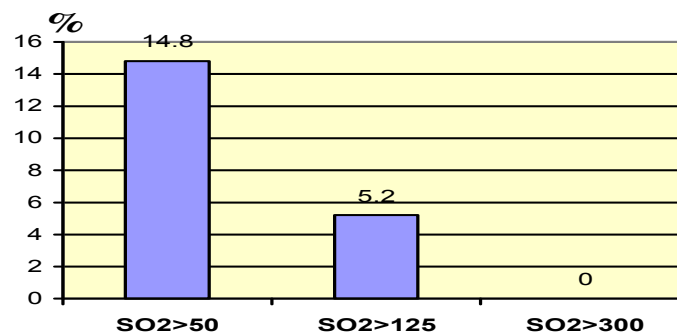
Năm	O ₃		PM ₁₀		TSP	
	TB	Max	TB	Max	TB	Max
1999	0.014	0.057	0.155	0.97	0.330	0.350
2000	0.016	0.075	0.126	1.000	0.336	0.370
2001	0.021	0.086	0.122	0.997	0.310	0.430
2002	0.022	0.048	0.090	0.777	0.300	0.353
2003	0.019	0.042	0.122	0.589	0.342	0.405
2004						

Bị chú: Riêng số liệu TSP là tổng bụi lơ lửng ở phố Lý Quốc Sư (1 lần /2 tháng)

CHỈ THỊ VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ BIỂU MẪU CHỈ THỊ : SO₂ TRONG KHÔNG KHÍ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Các số liệu để thiết lập biểu đồ

- Tổng số ngày đo: 365 ngày (100%)
- Tổng số ngày có SO₂ > 50 µg/m³ : 54 ngày (14.8%)
- Tổng số ngày có SO₂ > 125 µg/m³ : 19 ngày (5.2%)
- Tổng số ngày có SO₂ > 300 µg/m³ : 0 ngày (0%)



Hình 5.7. Tỷ lệ số ngày có nồng độ SO₂ (2003) vượt tiêu chuẩn

Bảng tổng kết giá trị trung bình tháng của năm 2003 với khí SO₂ (µg/m³)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TB SO ₂	115,9	71,7	32,7	197,1	35,9	36,6	29,5	29,4	29,3	33,41	36,75	34,8

Kết quả và đánh giá

Liên quan đến chính sách

Chỉ thị này có liên quan đến thông tin chính sách về Chương trình "Không khí sạch".

Mục tiêu của chính sách

SO₂ là một chất ô nhiễm chính trong môi trường không khí xung quanh của Hà Nội. Theo Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia thì nồng độ SO₂ trong không khí xung quanh ở Hà Nội đến năm 2020 sẽ không vượt quá trị số 50 µg/m³ đối với trị số trung bình năm và không vượt quá 125 µg/m³ đối với trị số trung bình ngày.

Đánh giá

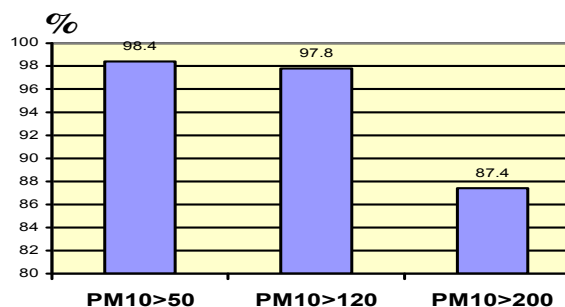
Tuy rằng, SO₂ có tác động nguy hại đối với sức khỏe cộng đồng, có một số tác động đối với thực vật, và nó là một trong các chất gây ra lắng đọng axit, có tác động nguy hại đối với vật liệu, công trình xây dựng và các công trình kỷ niệm, nhưng môi trường không khí xung quanh của Hà Nội chưa bị ô nhiễm khí SO₂.

Tỷ lệ số ngày có nồng độ SO₂ vượt qua 50 µg/m³ trong năm 2003 là 14,8%, số ngày có SO₂ vượt quá 125 µg/m³ là 5,2% và số ngày có SO₂ vượt quá 300 µg/m³ là 0%.

CHỈ THỊ VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ BIỂU MẪU CHỈ THỊ : PM₁₀ TRONG KHÔNG KHÍ ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Các số liệu để thiết lập biểu đồ

- Tổng số ngày đo: 365 ngày (100%)
- Tổng số ngày có PM₁₀ > 50 µg/m³: 359 ngày (98,4%)
- Tổng số ngày có PM₁₀ > 120 µg/m³: 357 ngày (97,8%)
- Tổng số ngày có PM₁₀ > 200 µg/m³: 319 ngày (87,4%)



Hình 5.8. Tỷ lệ số ngày có nồng độ PM₁₀ (2003) vượt tiêu chuẩn

Bảng tổng kết giá trị trung bình tháng của năm 2003 với bụi PM₁₀ (µg/m³)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TB SO ₂	115.9	71.7	32.7	197.1	35.9	36.6	29.5	29.4	29.3	33.41	36.75	34.8

Kết quả và đánh giá

Liên quan đến chính sách

Chỉ thị này có liên quan đến thông tin chính sách về Chương trình "Không khí sạch".

Mục tiêu của chính sách

Bụi mịn PM₁₀ là một chất ô nhiễm chính trong môi trường không khí xung quanh của Hà Nội. Theo Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia thì nồng độ PM₁₀ trong không khí xung quanh ở Hà Nội đến năm 2020 sẽ không vượt quá trị số 50 µg/m³ đối với trị số trung bình năm và không vượt quá 120 µg/m³ đối với trị số trung bình ngày.

Đánh giá

Môi trường không khí xung quanh ở Hà Nội đã bị ô nhiễm rất nặng về PM₁₀, nó có tác động rất nguy hại đối với sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ số ngày có nồng độ PM₁₀ lớn hơn 50 µg/m³ trong năm 2003 là 98,4%, tỷ lệ số ngày có nồng độ PM₁₀ lớn hơn 120 µg/m³ là 97,8% và tỷ lệ số ngày có nồng độ PM₁₀ lớn hơn 200 µg/m³ là 87,4%.